

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 136/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 6 - 2023

"V/v không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Kha

Bà Nguyễn Thị Non

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 258/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc "không công nhận vợ chồng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T. Sinh năm: 1968 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, khóm 5, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

-Bị đơn: Ông Nguyễn Văn O. Sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, khóm 5, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông O chung sống vào năm 1993, có làm đám cưới gả theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, hôn nhân của ông bà là tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng 3 năm nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, **sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, ông O chỉ lo ăn chơi, không lo cho gia đình**. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, hiện nay bà không còn tình cảm với ông O nên bà yêu cầu được ly hôn với ông O.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 28/10/1995. Hiện nay con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác định không có và không ai nợ lại vợ chồng.

Đối với ông Nguyễn Văn O mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập xét xử. Tuy nhiên, ông O vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản nêu ý kiến gởi Tòa án về các vấn đề bà T yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà T xin ly hôn với ông O được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn đang cư trú tại thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn O đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng ông O vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn O theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn O tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Do hôn nhân của ông bà có vi phạm về mặt hình thức theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa bà T và ông O là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà T xác định quá trình sống chung bà và ông O có một người con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 28/10/1995. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 16, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn O là vợ chồng.

2/ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

3/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 28/4/2023 bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0003285 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu, nộp Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Út

